

Summary of Channel 11 +: Lat: 36-09-08.0 N Lon: 118-46-50.0 W ERP: 0.008 kW ComStudy 2.2 RadioSoft

Callign	City	Class	Status	ERP	Sep Typ	Status	Dist	Prot	Clearance	D/U	Fx Gain	Fx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Con	Svc Stream	Cont Int	Shen	Old Pop	New Pop	Total Pop	Old Pop	New Pop
KERO-TV	BAKERS	DTV	LIC	4.800	C/M	Clear	79.4		36.4	-49	8.0	12.0	2	VHL	10	A-1	LR	F(50.50)	38	F(50.10)	84	0.0%	0.0%	581346	581346	581346
KERO-D	BAKERS	DTV	OP	4.800	C/M	Clear	79.5		35.2	-49	8.0	12.0	2	VHL	10	A-1	LR	F(50.50)	38	F(50.10)	84	0.0%	0.0%	834404	834404	834404
K11FU	SPRING	LPTV	LIC	0.008	C/M	Callign	0.0		0.0	45	0.0	8.0	0	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	23	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K14IK	DELAND	LPTV	APP	3.000	C/M	Clear	98.1		38.9	28	0.0	8.0	0	VHL	11 Z	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	40	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KMSG-L	FRESNO	LPTV	OP	3.000	C/M	Clear	79.8		47.9	28	0.0	8.0	0	VHL	11 -	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	40	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K12HL	LAKE IS	LPTV	LIC	0.008	C/M	Clear	81.1		37.8	-3	0.0	8.0	0	VHL	12	A+1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	71	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K10GC	LAKE IS	LPTV	LIC	0.005	C/M	Clear	81.1		58.4	-13	0.0	8.0	0	VHL	10	A-1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	81	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KNTV	SAN JOSE	NTSC	LIC	182.000	C/M	Clear	293.3		81.5	45	0.0	8.0	2	VHL	11 +	Co	LR	F(50.50)	56	F(50.10)	11	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KTTV	LOS ANGE	NTSC	LIC	188.000	C/M	Clear	224.0		75.1	45	0.0	8.0	0	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	56	F(50.10)	11	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	CALIENT	LPTV	APP	3.000	C/M	Clear	100.8		89.1	-3	0.0	8.0	0	VHL	12 Z	A+1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	71	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KOOY-T	SANTA	NTSC	LIC	115.000	C/M	Clear	187.7		81.4	-3	0.0	8.0	2	VHL	12 +	A+1	LR	F(50.50)	56	F(50.10)	82	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K11ML	RIDGE	LPTV	LIC	0.035	C/M	Clear	119.2		84.7	45	0.0	8.0	0	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	23	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
88110IK	LOS ANGE	NTSC	APP	168.000	C/M	Clear	224.0		100.0	28	0.0	8.0	2	VHL	11 Z	Co	LR	F(50.50)	56	F(50.10)	28	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KTTV	LOS ANGE	NTSC	LIC	168.000	C/M	Clear	224.0		100.0	28	0.0	8.0	2	VHL	11 Z	Co	LR	F(50.50)	56	F(50.10)	28	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K120Z	FRESNO		LIC	0.283	C/M	Clear	115.7		105.2	-6	0.0	8.0	0	VHL	12 -	A+1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	74	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K11KD	MAMMO	LPTV	LIC	0.008	C/M	Clear	185.5		108.7	45	0.0	8.0	0	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	23	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K10OI	ATASCAL	LPTV	APP	0.210	C/M	Clear	191.4		173.5	-13	0.0	8.0	0	VHL	10 -	A-1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	81	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K10IK	YOSEMITE	LPTV	LIC	0.078	C/M	Clear	188.9		185.8	-13	0.0	8.0	0	VHL	10	A-1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	81	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K110Q	OASIS	LPTV	LIC	0.055	C/M	Clear	204.7		188.0	45	0.0	8.0	0	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	23	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K11HS	BRIDGE	LPTV	LIC	0.033	C/M	Clear	253.9		188.5	45	0.0	8.0	0	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	23	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KLVX-D	LAS VEG	TV	LIC	105.000	C/M	Clear	339.5		193.3	2	8.0	12.0	2	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	15	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K11NG	SILVER	LPTV	LIC	0.010	C/M	Clear	214.8		195.0	45	0.0	8.0	0	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	23	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	SANTA	NTSC	LIC	0.000	C/M	Clear	210.0		202.3	-13	0.0	8.0	2	VHL	10 -	A-1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	88	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
	SANTA	NTSC	LIC	0.000	C/M	Clear	210.0		202.3	-13	0.0	8.0	2	VHL	10 -	A-1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	88	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KLVX*	LAS VEG	TV	LIC	18.300	C/M	Clear	339.5		210.3	2	8.0	12.0	2	VHL	11	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	15	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K100Q	LOMPOA		LIC	0.182	C/M	Clear	217.8		213.5	-12	0.0	8.0	0	VHL	10 Z	A-1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	80	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KRXI	RENO	NTSC	LIC	178.000	C/M	Clear	385.2		219.3	28	0.0	8.0	2	VHL	11 Z	Co	LR	F(50.50)	56	F(50.10)	28	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	TONAPA	LPTV	APP	3.000	C/M	Clear	254.6		219.8	28	0.0	8.0	0	VHL	11 -	Co	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	40	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K10EX	GOLDEN	LPTV	LIC	0.008	C/M	Clear	223.1		219.8	-13	0.0	8.0	0	VHL	10	A-1	LR	F(50.50)	88	F(50.10)	81	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C